



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3478.1856>

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG CÔNG TÁC NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG MINH PHỤNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đinh Nguyễn Thảo Vy

Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

Email: dinhnguyenthaovy010823@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 30/5/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 13/6/2026; Ngày duyệt đăng: 22/6/2026

Tóm tắt

Phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non có vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường giáo dục thống nhất, góp phần phát triển toàn diện trẻ em. Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng thông qua khảo sát 120 khách thể gồm cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh bằng bảng hỏi theo thang đo Likert năm mức độ. Kết quả cho thấy công tác quản lý hoạt động phối hợp được thực hiện ở mức khá trên các nội dung: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá. Các nội dung được đánh giá cao gồm xác định mục tiêu phối hợp, xây dựng cơ cấu tổ chức, hướng dẫn thực hiện và xác định nội dung kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như việc lấy ý kiến đóng góp trong xây dựng kế hoạch chưa hiệu quả, phân bổ nguồn lực còn hạn chế, công tác sơ kết, tổng kết chưa thường xuyên và sự tham gia của phụ huynh chưa đồng đều. Nguyên nhân xuất phát từ điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm nghề nghiệp của phụ huynh, năng lực tổ chức phối hợp của cán bộ quản lý, giáo viên và việc ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ mầm non.

Từ khóa: *Giáo dục trẻ mầm non, phối hợp giữa nhà trường và gia đình, phường Minh Phụng, quản lý giáo dục, trường mầm non.*

Trích dẫn: Đinh, N. T. V. (2026). Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tap chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(03S), 37-49. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3478.1856>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

MANAGING SCHOOL-FAMILY COORDINATION IN THE NURTURING, CARE, AND EDUCATION OF PRESCHOOL CHILDREN IN MINH PHUNG WARD, HO CHI MINH CITY

Dinh Nguyen Thao Vy

Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

Email: dinhnguyenthaovy010823@gmail.com

Article history

Received: 30/5/2026; Received in revised form: 13/6/2026; Accepted: 22/6/2026

Abstract

Coordination between schools and families in nurturing and educating preschool children plays an important role in creating a coherent educational environment and promoting children's holistic development. This study evaluates the current status of the management of school-family coordination activities in nurturing, caring for, and educating children at preschools in Minh Phung Ward, Ho Chi Minh City. For quantitative data, the study surveyed 120 participants, including administrators, teachers, and parents, using a five-point Likert-scale questionnaire. The findings indicate that the management of coordination activities was implemented at a moderately high level in terms of planning, organization, direction, and monitoring and evaluation. Highly rated aspects included identifying coordination objectives, establishing organizational structures, providing implementation guidance, and determining the content of monitoring and evaluation activities. However, several limitations were identified, such as ineffective collection of stakeholders' feedback during planning, limited resource allocation, irregular preliminary and final reviews, and uneven parental participation. These limitations stemmed from socio-economic conditions, parents' occupational characteristics, the coordination management capacity of administrators and teachers, and the limited use of information technology. Thereby, the study proposes several measures to enhance the effectiveness of managing school-family coordination activities in preschool education.

Keywords: *Educational management, Minh Phung Ward, preschools, preschool education, school-family coordination.*

1. Giới thiệu

Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, có vai trò đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện của trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ và các kỹ năng xã hội ban đầu. Ở lứa tuổi mầm non, trẻ đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ cả về thể chất lẫn tâm lý; vì vậy, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ không chỉ phụ thuộc vào hoạt động của nhà trường mà còn gắn chặt với môi trường gia đình và sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, yêu cầu xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phát triển toàn diện cho trẻ càng đặt ra sự cần thiết phải tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định sự tham gia của gia đình là một yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trẻ. Epstein (2018) cho rằng mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng cần được tổ chức như một hệ thống hợp tác, trong đó các bên cùng chia sẻ trách nhiệm, thông tin và nguồn lực để hỗ trợ sự phát triển của người học. Đối với giáo dục mầm non, sự phối hợp này càng có ý nghĩa đặc biệt vì trẻ nhỏ chưa có khả năng tự điều chỉnh đầy đủ hành vi, thói quen và nhu cầu cá nhân; do đó, sự thống nhất giữa cách chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục ở gia đình với nhà trường sẽ giúp trẻ hình thành nền nếp sinh hoạt, thói quen tích cực và phát triển ổn định hơn. OECD (2021) cũng nhấn mạnh rằng chất lượng giáo dục và chăm sóc trẻ mầm non được thể hiện không chỉ qua tương tác giữa trẻ với giáo viên, bạn bè và môi trường học tập, mà còn qua sự gắn kết giữa cơ sở giáo dục với gia đình và cộng đồng.

Ở Việt Nam, quan điểm phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã được thể chế hóa trong nhiều văn bản pháp lý quan trọng. Luật Giáo dục năm 2019 quy định nhà trường có trách nhiệm chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để tổ chức các hoạt động giáo dục, bảo đảm an toàn cho người học; đồng thời, cha mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc và phối hợp với nhà trường trong quá trình giáo dục trẻ (Quốc hội, 2019). Đối với cấp học mầm non, Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non đã xác định mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm bảo đảm sự đồng thuận trong nhận thức và hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; đồng thời nhấn mạnh các nguyên tắc chủ động, cộng đồng trách nhiệm, dân chủ, bình đẳng, hợp tác và chia sẻ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020). Chương trình Giáo dục mầm non hiện hành cũng yêu cầu gia đình và cộng đồng phối hợp với cơ sở giáo dục mầm non để bảo đảm điều kiện thực hiện chế độ sinh hoạt, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021).

Vấn đề phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm từ cả góc độ lý luận, thực tiễn và quản lý giáo dục. Thái & cs. (2019) cho rằng phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng là yêu cầu tất yếu trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non, bởi trẻ em ở lứa tuổi này chịu tác động đồng thời từ nhiều môi trường giáo dục khác nhau. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng sự phối hợp hiệu quả không chỉ giúp thống nhất mục tiêu, nội dung và phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ mà còn tạo ra môi trường phát triển an toàn, liên tục và toàn diện cho trẻ. Đây là một hướng tiếp cận có ý nghĩa nền tảng, cho thấy hoạt động phối hợp cần được tổ chức như một quá trình có mục tiêu, có nội dung, có phương thức và có sự tham gia trách nhiệm của nhiều lực lượng giáo dục.

Từ góc độ hỗ trợ gia đình và cộng đồng, Nguyễn (2023) phân tích vai trò của các dịch vụ hỗ trợ gia đình, cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi. Nghiên cứu cho thấy gia đình cần được cung cấp thông tin, tư vấn và hỗ trợ chuyên môn để thực hiện tốt hơn vai trò chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại nhà. Cách tiếp cận này gợi mở rằng nhà trường mầm non không chỉ là nơi trực tiếp tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mà còn

là trung tâm kết nối, hỗ trợ, tư vấn cho cha mẹ trẻ trong quá trình nuôi dạy con. Do đó, quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cần chú trọng đến công tác truyền thông, tư vấn phụ huynh, xây dựng kênh trao đổi hai chiều và phát triển các hình thức hỗ trợ phù hợp với từng nhóm gia đình.

Hồ và Phạm (2023), khi nghiên cứu về phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi ở trường mầm non, đã chỉ ra rằng các trường đã quan tâm xây dựng nội dung và hình thức phối hợp với phụ huynh; tuy nhiên, sự phối hợp ở một số nơi vẫn chưa thật sự chặt chẽ, chưa phát huy đầy đủ vai trò của từng lực lượng, công tác kiểm tra và đánh giá hoạt động phối hợp còn mang tính hình thức. Kết quả này có ý nghĩa tham khảo đối với nghiên cứu về quản lý phối hợp trong chăm sóc trẻ, bởi chăm sóc thể chất, dinh dưỡng, sức khỏe và giáo dục thói quen sinh hoạt cho trẻ đều cần có sự thống nhất giữa nhà trường và gia đình.

Tại phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh, các trường mầm non đã có nhiều nỗ lực trong tổ chức hoạt động phối hợp với gia đình nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, do đặc điểm dân cư đông, điều kiện kinh tế - xã hội của phụ huynh không đồng đều, công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình vẫn cần được nghiên cứu, đánh giá một cách hệ thống. Đặc biệt, cần làm rõ thực trạng quản lý trên các phương diện như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra - đánh giá và bảo đảm các điều kiện hỗ trợ hoạt động phối hợp. Xuất phát từ những vấn đề trên, nghiên cứu “Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh” được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường và gia đình, hướng đến mục tiêu bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và phát triển toàn diện trẻ mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nhằm đảm bảo tính khách quan, toàn diện và độ tin cậy cao nhất cho các kết luận khoa học, nghiên cứu này được thiết kế dựa trên phương pháp nghiên cứu định lượng (thông qua điều tra bằng bảng hỏi).

Khách thể, đối tượng và mẫu nghiên cứu: Để nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Bài báo đã nghiên cứu tổng số 120 đối tượng: gồm 90 cán bộ quản lý - giáo viên và 30 cha mẹ học sinh có trẻ đang học trên địa bàn Phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc lựa chọn địa bàn khảo sát này mang tính đại diện cao cho hệ thống giáo dục mầm non của Phường.

Phương pháp và công cụ thu thập dữ liệu: Về phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Công cụ thu thập dữ liệu định lượng là bộ câu hỏi được thiết kế cấu trúc hóa, dựa trên khung lý thuyết về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Quy trình xử lý và phân tích dữ liệu: Sau khi kết thúc giai đoạn điều tra, dữ liệu thô được đưa vào quy trình xử lý, làm sạch và mã hóa khoa học để đảm bảo độ chính xác tuyệt đối. Các phiếu khảo sát thiếu thông tin hoặc vi phạm quy tắc logic đều bị loại bỏ. Dữ liệu định lượng được mã hóa trên thang đo Likert 5 bậc và quy ước mã hóa các biến số được chuẩn hóa theo các chiều kích đánh giá khác nhau (Mức độ phù hợp, Mức độ ảnh hưởng, Tầm quan trọng, Tính cấp thiết, Kết quả thực hiện), chi tiết được trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. Quy ước thang đo Likert 5 mức độ trong nghiên cứu

Điểm số	Mức độ phù hợp	Mức độ ảnh hưởng	Mức độ quan trọng	Mức độ cần thiết	Kết quả thực hiện
1	Rất không đồng ý	Hoàn toàn không ảnh hưởng	Không quan trọng	Hoàn toàn không cần thiết	Rất thấp
2	Không đồng ý	Không ảnh hưởng	Ít quan trọng	Không cần thiết	Thấp
3	Phân vân/Trung lập	Tương đối ảnh hưởng	Phân vân	Tương đối cần thiết	Trung bình
4	Đồng ý	Ảnh hưởng	Quan trọng	Cần thiết	Khá
5	Rất đồng ý	Rất ảnh hưởng	Rất quan trọng	Rất cần thiết	Tốt

Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel, sử dụng các phương pháp thống kê mô tả như: tính tỷ lệ phần trăm (%), điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp hạng các nội dung khảo sát. Giá trị ĐTB của từng tiêu chí được tính theo công thức: $\bar{X} = \frac{\sum(x_i \times f_i)}{n}$. Trong đó: x_i là giá trị điểm số của từng phương án lựa chọn (từ 1 đến 5); f_i là tần số lựa chọn của từng phương án; n là tổng số người tham gia khảo sát.

Các mức độ đánh giá theo thang đo giá trị ĐTB như sau: Mức 1: $1,00 \leq \text{ĐTB} < 1,80$; Mức 2: $1,80 \leq \text{ĐTB} < 2,60$; Mức 3: $2,60 \leq \text{ĐTB} < 3,40$; Mức 4: $3,40 \leq \text{ĐTB} < 4,20$; Mức 5: $4,20 \leq \text{ĐTB} \leq 5,00$.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non Phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. *Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non Phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh*

Bảng 2. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình

STT	Lập kế hoạch	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Khảo sát tình hình thực tế của nhà trường và phụ huynh tại địa phương	3,78	0,87	3,68	0,92
2	Xác định mục tiêu và các nội dung của hoạt động phối hợp	3,92	0,82	3,80	0,88
3	Xác định nguồn lực cần thiết cho việc thực hiện kế hoạch	3,31	0,63	3,36	0,68
4	Xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình	3,62	0,83	3,53	0,84
5	Thông qua kế hoạch trong hội đồng sư phạm nhà trường và lấy ý kiến đóng góp	2,79	0,41	2,77	0,43

STT	Lập kế hoạch	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
6	Chỉnh sửa, hoàn thiện kế hoạch và công khai trong nhà trường	3,67	0,72	3,58	0,75
7	Chỉ đạo và duyệt kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình của các lớp	3,78	0,76	3,76	0,80
8	Nhà trường thành lập Ban đại diện Cha mẹ học sinh và phối hợp xây dựng kế hoạch hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh của trường	3,91	0,68	3,78	0,76

Kết quả khảo sát về công tác lập kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình cho thấy các nội dung được thực hiện ở mức trung bình khá, với ĐTB về mức độ thực hiện dao động từ 2,79 đến 3,92 và kết quả thực hiện từ 2,77 đến 3,80. Điều này phản ánh công tác lập kế hoạch đã được quan tâm triển khai nhưng vẫn còn một số nội dung thực hiện chưa đồng đều.

Mức độ thực hiện: Nội dung được đánh giá cao nhất là “Xác định mục tiêu và các nội dung của hoạt động phối hợp” (ĐTB=3,92), cho thấy nhà trường đã chú trọng định hướng rõ ràng mục tiêu khi xây dựng kế hoạch. Tiếp theo là các nội dung: Thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh và phối hợp xây dựng kế hoạch (ĐTB=3,91) Khảo sát tình hình thực tế (ĐTB=3,78), Chỉ đạo và duyệt kế hoạch của các lớp (ĐTB=3,78), thể hiện sự quan tâm đến việc tổ chức, điều hành và gắn kết với phụ huynh trong quá trình lập kế hoạch. Các nội dung đạt mức trung bình khá: Xây dựng kế hoạch phối hợp (ĐTB=3,62). Chỉnh sửa, hoàn thiện và công khai kế hoạch (ĐTB=3,67). Nội dung có mức thực hiện thấp nhất là “Thông qua kế hoạch trong hội đồng sư phạm và lấy ý kiến đóng góp” (ĐTB=2,79), cho thấy việc phát huy tính dân chủ, lấy ý kiến tập thể trong quá trình lập kế hoạch còn hạn chế.

Kết quả thực hiện: Nhìn chung tương đồng với mức độ thực hiện, dao động từ 2,77 đến 3,80. Nội dung đạt hiệu quả cao nhất là “Xác định mục tiêu và nội dung hoạt động” (ĐTB=3,80), tiếp đến là: Chỉ đạo và duyệt kế hoạch các lớp (ĐTB=3,76) Thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh (ĐTB=3,78). Nội dung có kết quả thấp nhất vẫn là “Thông qua kế hoạch và lấy ý kiến đóng góp” (ĐTB=2,77), cho thấy hạn chế trong việc huy động trí tuệ tập thể và sự tham gia đóng góp ý kiến từ CB-giáo viên.

ĐLC dao động từ 0,41 đến 0,92, cho thấy mức độ đánh giá có sự phân tán nhất định giữa các đối tượng khảo sát.

Nhìn chung, công tác lập kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình đã được thực hiện ở mức khá, đặc biệt là trong việc xác định mục tiêu, khảo sát thực tế và tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, một số nội dung như việc lấy ý kiến đóng góp, phát huy dân chủ trong xây dựng kế hoạch còn hạn chế. Do đó, nhà trường cần chú trọng hơn đến việc huy động sự tham gia của tập thể sư phạm và phụ huynh trong quá trình xây dựng và hoàn thiện kế hoạch, nhằm nâng cao tính khả thi và hiệu quả của hoạt động phối hợp trong giáo dục trẻ.

3.1.2. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non Phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình

STT	Tổ chức	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng cơ cấu, thành lập ban chỉ đạo	3,97	0,94	3,77	0,95
2	Phân công, bố trí người phụ trách, giám sát hoạt động phối hợp	3,74	1,15	3,62	1,11
3	Phân công nhiệm vụ phù hợp với từng thành viên trong trường	3,39	1,08	3,46	0,98
4	Triển khai kế hoạch và phân bổ kinh phí, thời gian thực hiện	2,91	0,86	2,93	0,82
5	Thống nhất về mục tiêu, nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình	3,14	1,02	3,14	0,99

Kết quả khảo sát về công tác tổ chức hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình cho thấy mức độ thực hiện và kết quả thực hiện đạt mức trung bình khá, với ĐTB về mức độ thực hiện dao động từ 2,91 đến 3,97 và kết quả thực hiện từ 2,93 đến 3,77. Điều này phản ánh hoạt động tổ chức đã được triển khai nhưng còn chưa đồng đều và cần được cải thiện ở một số nội dung.

Mức độ thực hiện: Nội dung được đánh giá cao nhất là “Xây dựng cơ cấu, thành lập ban chỉ đạo” với ĐTB=3,97, cho thấy nhà trường đã chú trọng đến việc thiết lập bộ máy tổ chức để triển khai hoạt động phối hợp. Tiếp theo là “Phân công, bố trí người phụ trách, giám sát hoạt động phối hợp” (ĐTB=3,74), thể hiện sự quan tâm đến công tác điều hành và kiểm soát quá trình thực hiện. Nội dung “Phân công nhiệm vụ phù hợp với từng thành viên” đạt ĐTB=3,39, cho thấy việc phân công đã được thực hiện nhưng chưa thực sự tối ưu. Hai nội dung có mức thực hiện thấp hơn là: “Thống nhất mục tiêu, nội dung phối hợp” (ĐTB=3,14) “Triển khai kế hoạch và phân bổ kinh phí, thời gian” (ĐTB=2,91), mức thấp nhất. Điều này cho thấy việc tổ chức triển khai cụ thể, đặc biệt là về nguồn lực và sự thống nhất trong nhận thức còn hạn chế.

Kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện nhìn chung tương đồng với mức độ thực hiện, dao động từ 2,93 đến 3,77. Nội dung đạt hiệu quả cao nhất vẫn là “Xây dựng cơ cấu, thành lập ban chỉ đạo” (ĐTB=3,77), tiếp theo là “Phân công, giám sát” (ĐTB=3,62). Nội dung có kết quả thấp nhất là “Triển khai kế hoạch và phân bổ kinh phí, thời gian” (ĐTB=2,93), cho thấy khó khăn trong việc đảm bảo điều kiện thực hiện kế hoạch. Nội dung “Thống nhất mục tiêu, nội dung phối hợp” có ĐTB=3,14, phản ánh sự phối hợp giữa các bên chưa thực sự đồng bộ.

ĐLC dao động từ 0,82 đến 1,15, cho thấy mức độ đánh giá có sự phân tán tương đối lớn giữa các đối tượng khảo sát, thể hiện sự khác biệt trong nhận thức và trải nghiệm thực tế.

Nhìn chung, công tác tổ chức hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình đã được triển khai ở mức trung bình khá, trong đó nổi bật là việc xây dựng bộ máy tổ chức và phân công nhiệm vụ. Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến triển khai kế hoạch, phân bổ nguồn lực và thống nhất mục tiêu vẫn còn hạn chế. Do đó, nhà trường cần chú trọng hơn đến việc hoàn thiện quy trình tổ chức, đảm bảo sự đồng thuận giữa các bên và phân bổ hợp lý nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp trong giáo dục trẻ.

3.1.3. *Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non Phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh*

Bảng 4. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình

STT	Chỉ đạo	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Ra các quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể	3,30	0,74	3,36	0,74
2	Hướng dẫn cách thức thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình cho từng bộ phận	3,68	0,85	3,68	0,85
3	Hướng dẫn, điều hành kịp thời; thiết lập cơ chế báo cáo, giám sát, động viên	3,51	0,89	3,60	0,88
4	Xây dựng các mối quan hệ phối hợp đa chiều	3,37	0,84	3,41	0,86
5	Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch	3,04	0,67	2,93	0,56

Kết quả khảo sát về công tác chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình cho thấy mức độ thực hiện và kết quả thực hiện đạt mức trung bình khá, với ĐTB về mức độ thực hiện dao động từ 3,04 đến 3,68 và kết quả thực hiện từ 2,93 đến 3,68. Điều này phản ánh hoạt động chỉ đạo đã được triển khai nhưng hiệu quả còn chưa đồng đều giữa các nội dung.

Mức độ thực hiện: Nội dung được đánh giá cao nhất là “Hướng dẫn cách thức thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình cho từng bộ phận” (ĐTB=3,68). Điều này cho thấy nhà trường đã quan tâm đến việc định hướng cụ thể cho các bộ phận trong quá trình triển khai. Tiếp theo là “Hướng dẫn, điều hành kịp thời; thiết lập cơ chế báo cáo, giám sát, động viên” (ĐTB=3,51), thể hiện sự chú trọng đến công tác điều hành và kiểm soát hoạt động. Nội dung “Xây dựng các mối quan hệ phối hợp đa chiều” (ĐTB=3,37) và “Ra quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể” (ĐTB=3,30) đạt mức trung bình khá, cho thấy việc tổ chức điều phối và kết nối các lực lượng vẫn cần được tăng cường. Nội dung có mức thực hiện thấp nhất là “Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch” (ĐTB=3,04), cho thấy công tác tổng kết, đánh giá chưa được thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

Kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện nhìn chung tương đồng với mức độ thực hiện, dao động từ 2,93 đến 3,68. Nội dung đạt hiệu quả cao nhất vẫn là “Hướng dẫn cách thức thực hiện” (ĐTB=3,68), tiếp theo là “Hướng dẫn, điều hành và giám sát” (ĐTB=3,60). Nội dung có kết quả thấp nhất là “Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá” (ĐTB=2,93), phản ánh hạn chế trong việc kiểm tra, rút kinh nghiệm và cải tiến hoạt động. Các nội dung còn lại có kết quả ở mức trung bình khá, cho thấy công tác chỉ đạo đã được triển khai nhưng chưa thực sự đồng bộ.

ĐLC dao động từ 0,56 đến 0,89, cho thấy mức độ đánh giá có sự phân tán nhất định giữa các đối tượng khảo sát.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình đã được thực hiện ở mức trung bình khá, trong đó nổi bật là việc hướng dẫn thực hiện và điều hành hoạt động. Tuy nhiên, công tác đánh giá, sơ kết, tổng kết còn hạn chế, chưa phát huy hết vai trò trong việc điều chỉnh và nâng cao hiệu quả phối hợp. Do đó, nhà trường cần tăng cường hơn nữa việc kiểm tra, đánh giá định kỳ, đồng thời hoàn thiện cơ chế chỉ đạo nhằm đảm bảo hoạt động phối hợp được triển khai đồng bộ và hiệu quả hơn trong thực tiễn.

3.1.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non Phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình

STT	Kiểm tra đánh giá	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xác định nội dung cần kiểm tra	4,10	0,60	3,87	0,67
2	Phân công nhân sự để thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá	2,74	0,89	3,02	1,02
3	Quy định các tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá việc thực hiện hoạt động phối hợp	3,44	0,56	3,50	0,57
4	Kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình theo kế hoạch	3,79	0,49	3,82	0,46
5	Đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình thông qua kết quả giáo dục trẻ của giáo viên	3,83	0,57	3,84	0,50
6	Đánh giá hoạt động phối hợp thông qua nhận xét của cấp trên, cha mẹ trẻ và các lực lượng xã hội	3,74	0,71	3,62	0,73
7	Thường xuyên kiểm tra, theo dõi để điều chỉnh kịp thời hoạt động của giáo viên và các bộ phận trong việc phối hợp để kết quả ngày càng tốt và phù hợp hơn	3,28	0,82	3,30	0,80

Kết quả khảo sát về công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình cho thấy mức độ thực hiện và kết quả thực hiện đạt mức khá, với ĐTB về mức độ thực hiện dao động từ 2,74 đến 4,10 và kết quả thực hiện từ 3,02 đến 3,87. Điều này phản ánh hoạt động kiểm tra, đánh giá đã được triển khai tương đối đầy đủ nhưng vẫn còn một số nội dung hạn chế cần cải thiện.

Mức độ thực hiện: Nội dung được đánh giá cao nhất là “Xác định nội dung cần kiểm tra” (ĐTB=4,10), cho thấy nhà trường đã có sự rõ ràng trong việc xác định trọng tâm kiểm tra, đánh giá. Các nội dung đạt mức khá cao gồm: Đánh giá hoạt động phối hợp thông qua kết quả giáo dục trẻ (ĐTB=3,83) Kiểm tra, đánh giá theo kế hoạch (ĐTB=3,79), Đánh giá qua ý kiến của các lực lượng liên quan (ĐTB=3,74), điều này thể hiện việc kiểm tra, đánh giá đã được thực hiện tương đối đa dạng và có hệ thống. Nội dung “Quy định các tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá” (ĐTB=3,44) và “Theo dõi, điều chỉnh hoạt động” (ĐTB=3,28) đạt mức trung bình khá, cho thấy việc chuẩn hóa tiêu chí và điều chỉnh sau kiểm tra chưa thực sự nổi bật. Nội dung có mức thực hiện thấp nhất là “Phân công nhân sự thực hiện kiểm tra, đánh giá” (ĐTB=2,74), cho thấy công tác tổ chức nhân lực cho hoạt động kiểm tra còn hạn chế.

Kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện nhìn chung tương đồng với mức độ thực hiện, dao động từ 3,02 đến 3,87. Nội dung đạt hiệu quả cao nhất là “Xác định nội dung kiểm tra” (ĐTB=3,87), tiếp theo là: Đánh giá qua kết quả giáo dục trẻ (ĐTB=3,84) Kiểm tra theo kế hoạch (ĐTB=3,82). Nội dung có kết quả thấp nhất là “Phân công nhân sự kiểm tra, đánh giá” (ĐTB=3,02), cho thấy việc bố trí lực lượng thực hiện chưa thực sự hiệu quả. Nội dung “Theo dõi, điều chỉnh hoạt động” (ĐTB=3,30) cũng còn hạn chế, phản ánh việc sử dụng kết quả kiểm tra để cải tiến hoạt động chưa được chú trọng đúng mức.

ĐLC dao động từ 0,46 đến 1,02, cho thấy mức độ đánh giá có sự phân tán nhất định, đặc biệt ở nội dung liên quan đến phân công nhân sự.

Nhìn chung, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình đã được thực hiện ở mức khá, với nhiều nội dung đạt hiệu quả tốt như xác định nội dung kiểm tra và đánh giá qua kết quả giáo dục trẻ. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế trong việc phân công nhân sự và theo dõi, điều chỉnh hoạt động sau kiểm tra. Do đó, nhà trường cần chú trọng hơn đến việc tổ chức lực lượng kiểm tra hợp lý, xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng và tăng cường sử dụng kết quả kiểm tra để điều chỉnh hoạt động phối hợp, nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ trong thực tiễn.

3.2. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non Phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1. Ưu điểm

Công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non Phường Minh Phụng đã đạt được một số kết quả tích cực:

- Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ trẻ về vai trò của phối hợp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ngày càng được nâng cao; đa số các lực lượng đều nhận thấy đây là yếu tố quan trọng góp phần phát triển toàn diện cho trẻ.

- Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp, triển khai nhiều hình thức liên hệ với phụ huynh như họp phụ huynh, trao đổi trực tiếp, sử dụng các kênh thông tin điện tử... tạo sự kết nối hai chiều tương đối hiệu quả.

- Nội dung phối hợp ngày càng đa dạng, tập trung vào các lĩnh vực thiết yếu như chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, giáo dục hành vi, kỹ năng sống cho trẻ.

- Công tác tổ chức và chỉ đạo có sự phân công tương đối rõ ràng; bước đầu hình thành cơ chế phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ.

- Một số phụ huynh tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường, hỗ trợ về vật chất và tinh thần, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhìn chung, sự phối hợp đã tạo được môi trường giáo dục tương đối thống nhất giữa nhà trường và gia đình, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, phù hợp với quan điểm giáo dục hiện đại.

3.2.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý hoạt động phối hợp vẫn còn một số tồn tại:

- Việc xây dựng kế hoạch phối hợp ở một số trường còn mang tính hình thức, chưa sát với nhu cầu thực tế của phụ huynh và đặc điểm từng nhóm trẻ.

- Hình thức phối hợp chưa thật sự phong phú; vẫn còn thiên về truyền đạt một chiều, thiếu các hoạt động tương tác, trải nghiệm giữa nhà trường và gia đình.

- Mức độ tham gia của phụ huynh chưa đồng đều; một bộ phận phụ huynh còn thụ động, chưa tích cực phối hợp hoặc còn phó thác việc giáo dục cho nhà trường.

- Công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp chưa được thực hiện thường xuyên, thiếu tiêu chí cụ thể nên hiệu quả chưa cao.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong phối hợp còn hạn chế, chưa khai thác hết tiềm năng của các nền tảng số trong kết nối gia đình – nhà trường.

- Một số giáo viên còn hạn chế về kỹ năng giao tiếp, tư vấn phụ huynh, dẫn đến hiệu quả phối hợp chưa như mong muốn.

3.2.3. Nguyên nhân

Những hạn chế trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan:

Nguyên nhân khách quan:

- Điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương còn có sự chênh lệch, ảnh hưởng đến thời gian và mức độ tham gia của phụ huynh.

- Đặc điểm nghề nghiệp của phụ huynh (bận rộn, ít thời gian) làm hạn chế sự phối hợp thường xuyên với nhà trường.

- Nhận thức xã hội về vai trò phối hợp giáo dục tuy đã nâng cao nhưng chưa đồng đều giữa các nhóm đối tượng.

Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác quản lý của một số trường chưa thực sự sâu sát; việc chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá chưa thường xuyên và chưa có hệ thống.

- Năng lực tổ chức hoạt động phối hợp của một số cán bộ quản lý, giáo viên còn hạn chế, đặc biệt là kỹ năng tư vấn, truyền thông với phụ huynh.

- Nhà trường chưa xây dựng được cơ chế phối hợp chặt chẽ, thống nhất và mang tính lâu dài.

- Một bộ phận phụ huynh còn thiếu kiến thức, kỹ năng nuôi dạy trẻ khoa học, dẫn đến sự phối hợp chưa hiệu quả.

- Việc huy động nguồn lực xã hội cho hoạt động phối hợp còn hạn chế.

Thực trạng cho thấy công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non Phường Minh Phụng đã có nền tảng và đạt được những kết quả tích cực nhưng vẫn còn những hạn chế cần khắc phục. Điều này đòi hỏi phải có các biện pháp quản lý đồng bộ, đổi mới và phù hợp thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp, góp phần phát triển toàn diện trẻ mầm non.

Từ những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân đã phân tích ở trên cho thấy, công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non Phường Minh Phụng tuy đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập cần được khắc phục. Những hạn chế này nếu không được cải thiện kịp thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cũng như hiệu quả quản lý của nhà trường.

Vì vậy, việc đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, khả thi và có tính hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

3.3. Đề xuất biện pháp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non Phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực trạng, nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non Phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và phù hợp với điều kiện địa phương.

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Để nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thì người cán bộ quản lý trước tiên phải am hiểu và thấy được tầm quan trọng của hoạt động này để từ đó tuyên truyền, giải thích cho giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh hiểu về tầm quan trọng, sự cần thiết của công tác phối hợp.

Thứ hai, đổi mới công tác xây dựng kế hoạch, kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ không nên quá phức tạp, có thể là một kế hoạch riêng biệt cũng có thể là một phần của kế hoạch năm học của nhà trường nhưng phải mang tính cụ thể, thực tế, khoa học, khả thi và phải phù hợp với nhà trường.

Thứ ba, đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp nhà trường, gia đình; phân công nhiệm vụ phù hợp với từng thành viên trong trường, hướng dẫn cách thức thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; kịp thời điều chỉnh những vấn đề bất hợp lý và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện cho phù hợp với mục tiêu đã đề ra; xây dựng các mối quan hệ phối hợp đa chiều trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Thứ tư, tăng cường kiểm tra, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc thực hiện hoạt động phối hợp với gia đình. Thực hiện sơ kết, tổng kết đánh giá về hiệu quả của hoạt động phối hợp để thấy được những thuận lợi và hạn chế trong quá trình thực hiện. Từ đó đề ra các biện pháp để điều chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác phối hợp, phát huy những yếu tố thuận lợi và nhân rộng các điển hình tốt trong công tác phối hợp.

Thứ năm, đảm bảo các điều kiện để hỗ trợ cho công tác quản lý hoạt động phối hợp được thuận lợi hơn, khắc phục những yếu tố gây ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ qua kết quả khảo sát đã thể hiện. Tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình công tác trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Các biện pháp trên có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau, hướng tới mục tiêu quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non Phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh một cách toàn diện, bền vững và phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh đã được triển khai ở mức trung bình khá và đạt một số kết quả tích cực. Nhà trường đã chú trọng xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động phối hợp nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế như sự tham gia của phụ huynh chưa đồng đều, công tác kiểm tra, đánh giá chưa thường xuyên và việc ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế. Trên cơ sở thực trạng khảo sát, nghiên cứu đã đề xuất một số biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Việc thực hiện đồng bộ các biện pháp này sẽ góp phần xây dựng môi trường giáo dục thống nhất, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và phát triển toàn diện trẻ mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.*
- Epstein, J. L. (2018). *School, Family, and Community Partnerships: Preparing Educators and Improving Schools* (2nd ed.). Routledge.
- Hồ, T. D., & Phạm, T. H. (2023). Phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi ở trường mầm non. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, 63, 19-29. Truy cập từ <https://hdujs.edu.vn/index.php/hdujs/article/view/132/104>
- Nguyễn, T. N. (2023). Tổ chức các dịch vụ hỗ trợ gia đình và cộng đồng trong chăm sóc – giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi của một số quốc gia trên thế giới. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(01), 57–65. Truy cập từ http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/khdgvn_-_tap_19_-_so_01_-_no_10_-57-65.pdf
- Thái, V. T., Nguyễn, N. H., & Nguyễn, T. T. H. (2019). Phối hợp gia đình, nhà trường, cộng đồng trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 16, 73–78. Truy cập từ http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/bai_so_13_-_so_16_thang_4_2019.pdf
- OECD. (2021). *Starting Strong VI: Supporting Meaningful Interactions in Early Childhood Education and Care*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/f47a06ae-en>
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14 tháng 6 năm 2019.*